

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/8/2021  
V/v: Ly hôn giữa anh T và chị  
N

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lự

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Chung

Ông Nguyễn Hữu Thái

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:***  
ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “ Ly hôn, con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bãi Đã, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu Gõ, xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 23/4/2021 và trong các lời khai và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N tháng 05/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, cưới xong anh và chị N về chung sống với nhau ở thôn Bãi Đã, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do có nhiều bất hòa trong cuộc sống thường xuyên cãi vã xô xát nhau, từ đó vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, vợ chồng cũng

chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung, Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/11/2005. Hiện cháu đang ở với anh T cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi con. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản, công nợ:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày trong bản tự khai: Việc anh T trình bày với Tòa án về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và về con chung là hoàn toàn đúng. Nay anh T yêu cầu được ly hôn chị nhất trí ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung, Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/11/2005. Hiện cháu đang ở với anh T, nay ly hôn chị đồng ý để anh T nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

*Về quan hệ vợ chồng:* Cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. *Về nuôi con chung:* Giao anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/11/2005. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị N được quyền thăm nom con chung, anh T không được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tổng đạt theo đúng quy định pháp luật các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa anh T có mặt, chị N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung*: Anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 22/4/2005 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay và hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do có nhiều bất hòa trong cuộc sống thường xuyên cãi vã xô xát nhau, từ đó vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, ý kiến của chị N nhất trí ly hôn nên cần cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung, Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/11/2005. Hiện cháu đang ở với anh T cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn phía anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu, cũng tại biên bản lấy lời khai của cháu Nhi cũng đề nghị Tòa án nếu giải quyết ly hôn cho bố mẹ của cháu, cháu có nguyện vọng xin ở với bố T. Phía chị N cũng nhất trí để cho anh T nuôi con. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của các đương sự là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi nên cần giao cho anh T được trực tiếp nuôi con. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị N được quyền thăm nom con chung, anh T không được cản trở chị N thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ*: Anh T chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/11/2005. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị N được quyền thăm nom con chung, anh T không được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 06/5/2021 theo biên lai thu số AA/2017/0005369 xác nhận anh T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Chung Nguyễn Hữu Thái**

**Nguyễn Thị Lự**